

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ V H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông M V T;

2. Bà Ng T M.

- Thư ký phiên tòa: Ông T V Q - thư ký Tòa án nhân dân huyện T T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T tham gia phiên tòa: Ông Chau Pholly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc " *Ly hôn và chia tài sản chung* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Danh Vành N, sinh năm 2001. Địa chỉ: Tổ 05, ấp Kinh Mới, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Neáng Sóc B, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ 20, ấp Phước An, xã Ô lâm, huyện T T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Chau Sông, sinh năm 1947. Địa chỉ: ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện T T, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Danh Vành N trình bày:

Anh và chị Neáng Sóc B tổ chức lễ cưới năm 2019, nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới nhau vợ chồng cùng đi làm ở Bình Dương, cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì nhưng đến ngày 15/9/2020 chị Neáng Sóc B tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ, điện thoại không nghe máy, anh liên lạc với

ba mẹ vợ cũng không biết Sóc Bonh ở đâu , đến ngày 25/10/2020 anh phát hiện chị Neáng Sóc B tổ chức lễ cưới với người khác. Do hiện nay chị Sóc Bonh đã có gia đình khác nên anh Danh Vành N yêu cầu được ly hôn với chị Neáng Sóc B.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: 01 bông tai 01 chỉ vàng 24kara trị giá 5.000.000 đồng; dây chuyền 2 chỉ vàng 18kara trị giá 8.600.000 đồng, tiền cưới 17.500.000 đồng; vòng Simen 5 chỉ vàng 18 kara trị giá 21.500.000, vợ chồng cùng tạo lập số tiền 20.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 72.600.000 đồng. Ngày 05/2/2021 anh Danh Vành N có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Neáng Sóc B đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh Danh Vành N và chị Neáng Sóc B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Danh Vành N và chị Neáng Sóc B theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: 01 bông tai 01 chỉ vàng 24kara trị giá 5.000.000 đồng; dây chuyền 2 chỉ vàng 18kara trị giá 8.600.000 đồng, tiền cưới 17.500.000 đồng; vòng Simen 5 chỉ vàng 18 kara trị giá 21.500.000, vợ chồng cùng tạo lập số tiền 20.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 72.600.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 05/2/2021 anh Danh Vành N có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ Điều 217 bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, chị Neáng Sóc B vắng mặt. Nguyên đơn anh Danh Vành N vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Neáng Sóc B đã được Tòa án nhân dân huyện T T triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Neáng Sóc B.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Neáng Sóc B hiện đang sinh sống tại tổ 20, ấp Phước An, xã Ô Lâm, huyện T T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện T T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Giữa anh VànhN và chị Sóc Bonh chung sống với nhau như vợ chồng từ 2019 đếnNy nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì *“Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh VànhN và chị Sóc Bonh theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 là có căn cứ.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: 01 bông tai 01 chỉ vàng 24kara trị giá 5.000.000 đồng; dây chuyền 2 chỉ vàng 18kara trị giá 8.600.000 đồng, tiền cưới 17.500.000 đồng; vòng Simen 5 chỉ vàng 18 kara trị giá 21.500.000, vợ chồng cùng tạo lập số tiền 20.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 72.600.000 đồng. Ngày 05/2/2021 anh Danh Vành N có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Danh Vành N.

Về nợ chung: không có.

[4] Về án phí: anh Danh Vành N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch và được hoàn

tại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung. Bà Neáng Sóc B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Tuyên bố không công nhận anh Danh Vành N và chị Neáng Sóc B là vợ chồng.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Danh Vành N do rút yêu cầu khởi kiện.

Về nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Danh Vành N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000581 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T. Anh Danh Vành N đã nộp xong án phí.

Hoàn lại cho anh Danh Vành N tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 907.000 đồng (Chín trăm lẻ bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000583 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Tri Tôn;
- Chi cục THADS H.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đ V H

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Cheo Trần Thị Ngọc Phượng

Đ V H